

Số: 2371 /QĐ-UBND

Bắc Giang, ngày 31 tháng 12 năm 2015

QUYẾT ĐỊNH

Về việc phê duyệt Điều chỉnh Quy hoạch 3 loại rừng tỉnh Bắc Giang
đến năm 2020, định hướng đến năm 2030

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH BẮC GIANG

Căn cứ Luật Tổ chức HĐND và UBND ngày 26/11/2003;

Căn cứ Luật Bảo vệ và Phát triển rừng ngày 03/12/2004;

Căn cứ Nghị định số 92/2006/NĐ-CP ngày 7/9/2006 của Chính phủ về lập, phê duyệt và quản lý quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội; Căn cứ Nghị định số 04/2008/NĐ-CP ngày 11/1/2008 về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định 92/2006/NĐ-CP ngày 7/9/2006 của Chính phủ;

Căn cứ Thông tư số 05/2013/TT-BKH ngày 31/10/2013 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư hướng dẫn tổ chức lập, thẩm định, phê duyệt, điều chỉnh và công bố quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế xã hội, duy hoạch ngành lĩnh vực và sản phẩm chủ yếu;

Xét đề nghị của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tại Tờ trình số 210/TTr-SNN ngày 25/12/2015; Sở Kế hoạch và Đầu tư tại Báo cáo thẩm định số 663/BC-SKHĐT ngày 25/12/2015,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt điều chỉnh Quy hoạch 3 loại rừng tỉnh Bắc Giang đến năm 2020, định hướng đến năm 2030 với những nội dung chủ yếu sau:

1. Quan điểm điều chỉnh quy hoạch

Điều chỉnh lại cơ cấu 3 loại rừng để tiến hành bảo vệ, phát triển hợp lý 3 loại rừng, đảm bảo hiệu quả, bền vững theo hướng rà soát giảm diện tích rừng đặc dụng cho phù hợp với hiện trạng quản lý theo Quy hoạch rừng đặc dụng cấp tỉnh đã được phê duyệt; tăng diện tích phòng hộ thuộc dãy núi Nham Biền, khu vực đầu nguồn sông Lục Nam; tăng diện tích rừng sản xuất.

2. Mục tiêu điều chỉnh quy hoạch

a) Mục tiêu tổng quát:

Rà soát điều chỉnh lại quy mô đất lâm nghiệp và cơ cấu các loại rừng cho phù hợp với tình hình thực tiễn; phù hợp với quy hoạch sử dụng đất của tỉnh đến năm 2020, đề xuất được các giải pháp tổ chức, quản lý quy hoạch 3 loại rừng và chuyển đổi rừng sau điều chỉnh.

b) Mục tiêu cụ thể:

Điều chỉnh quy mô đất lâm nghiệp đến năm 2020, định hướng đến năm 2030 là 153.739 ha, trong đó quy mô các loại rừng như sau: rừng đặc dụng: 13.303 ha (chiếm 8,6%), rừng phòng hộ: 20.708 ha (chiếm 13,5%), rừng sản xuất: 119.728 ha (chiếm 77,9%); nâng độ che phủ rừng đến năm 2020 lên 38%.

3. Nội dung điều chỉnh quy hoạch

3.1. Rà soát, điều chỉnh 3 loại rừng:

- Rà soát, điều chỉnh rừng đặc dụng:
 - + Điều chỉnh quy hoạch chuyển sang rừng sản xuất: 1.164,4 ha.
 - + Điều chỉnh chuyển sang mục đích sử dụng khác: 19,3 ha.
 - + Điều chỉnh từ rừng sản xuất quy hoạch sang rừng đặc dụng: 99,1 ha.
 - + Điều chỉnh tăng diện tích theo kết quả kiểm kê: 294,1 ha;
- Rà soát, điều chỉnh rừng phòng hộ:
 - + Điều chỉnh quy hoạch chuyển sang rừng sản xuất: 984,9 ha;
 - + Điều chỉnh chuyển sang mục đích sử dụng khác: 174,1 ha.
 - + Điều chỉnh từ rừng sản xuất quy hoạch sang rừng phòng hộ: 2.789,4 ha.
 - + Điều chỉnh diện tích rừng đã trồng trên đất trồng cây lâu năm sang quy hoạch rừng phòng hộ: 74,0 ha.
 - + Điều chỉnh tăng diện tích theo kết quả kiểm kê: 124,6 ha.
- Rà soát, điều chỉnh rừng sản xuất:
 - + Điều chỉnh quy hoạch chuyển sang rừng đặc dụng: 99,1 ha.
 - + Điều chỉnh quy hoạch chuyển sang rừng phòng hộ: 2.789,4 ha.
 - + Điều chỉnh sang mục đích sử dụng khác: 9.260,1 ha.
 - + Điều chỉnh từ rừng đặc dụng sang quy hoạch rừng sản xuất: 1.164,4 ha.
 - + Điều chỉnh từ rừng phòng hộ sang quy hoạch rừng sản xuất: 984,9 ha.
 - + Điều chỉnh diện tích đất trồng cây lâu năm đã trồng rừng sang quy hoạch rừng sản xuất: 8.623,4 ha;
 - + Điều chỉnh tăng diện tích theo kết quả kiểm kê: 7.641,5 ha.

3.2. Quy mô 3 loại rừng sau điều chỉnh:

Tổng diện tích đất lâm nghiệp sau điều chỉnh: 153.739 ha

- Đất rừng đặc dụng: 13.303 ha, chiếm tỷ lệ: 8,65%.
- Đất rừng phòng hộ: 20.708 ha, chiếm tỷ lệ: 13,47%.
- Đất rừng sản xuất: 119.728 ha, chiếm tỷ lệ: 77,88%.

(Chi tiết kèm theo biểu 01, biểu 02)

4. Danh mục các dự án ưu tiên

- Dự án bảo vệ và phát triển rừng tỉnh Bắc Giang giai đoạn 2016-2020;
- Dự án nâng cao năng lực phòng cháy chữa cháy rừng và đường lâm nghiệp;
- Dự án đóng mố 3 loại rừng tỉnh Bắc Giang;
- Dự án phát triển giống cây trồng lâm nghiệp;
- Dự án Phát triển rừng bền vững theo tiêu chuẩn FSC;
- Dự án nâng cao chất lượng rừng trồng sản xuất gỗ hàng hoá tỉnh Bắc Giang;
- Dự án Quy hoạch chế biến gỗ;
- Dự án bảo tồn và phát triển lâm sản ngoài gỗ tỉnh Bắc Giang;
- Dự án xây dựng vườn sưu tập thực vật tại rừng đặc dụng Tây Yên Tử.

5. Các giải pháp chủ yếu thực hiện quy hoạch

5.1. Giải pháp về tổ chức, quản lý

a) Tổ chức quản lý

- Triển khai có hiệu quả Quy hoạch 3 loại rừng được phê duyệt; tăng cường kiểm tra, giám sát thực hiện quy hoạch; nâng cao vai trò quản lý nhà nước về lâm nghiệp ở cấp huyện, cấp xã theo phân cấp tại Quyết định số 07/2012/QĐ-TTg ngày 08/02/2012 của Thủ tướng Chính phủ.

- Thực hiện sắp xếp, đổi mới nâng cao hiệu quả hoạt động của các công ty lâm nghiệp theo Nghị quyết số 30-NQ/TW ngày 12/3/2014 của Bộ Chính trị và Nghị định số 118/2014/NĐ-CP ngày 17/12/2014 của Chính phủ theo Phương án sắp xếp được cấp thẩm quyền phê duyệt.

- Xây dựng và triển khai thực hiện các dự án: Dự án Bảo vệ và phát triển rừng tỉnh Bắc Giang; Dự án nâng cao năng lực phòng cháy, chữa cháy rừng và xây dựng đường lâm nghiệp tỉnh Bắc Giang; Phương án phòng cháy chữa cháy rừng tỉnh Bắc Giang giai đoạn 2016-2020; triển khai thực hiện đóng mốc ranh giới phân định 3 loại rừng,...

b) Chuyển đổi, bàn giao rừng

- Bên giao và bên nhận rừng chuyển đổi:

+ Đối với diện tích rừng điều chỉnh từ phòng hộ, đặc dụng sang sản xuất có thay đổi chủ rừng, bên bàn giao là các tổ chức nhà nước (Ban quản lý rừng phòng hộ Sơn Động, Cẩm Sơn; Ban quản lý Bảo tồn Tây Yên Tử), bên nhận bàn giao là UBND các xã tiếp nhận bàn giao theo phương án chuyển đổi rừng được cấp thẩm quyền phê duyệt.

+ Đối với những diện tích rừng điều chỉnh nhưng không thay đổi chủ rừng thì quản lý nguyên trạng theo Quy chế quản lý của loại rừng sau điều chỉnh.

- Thực hiện Phương án chuyển đổi rừng:

+ *Đối với diện tích rừng phòng hộ, đặc dụng điều chỉnh sang rừng sản xuất:*

Đối với diện tích rừng đặc dụng, rừng phòng hộ điều chỉnh sang rừng sản xuất có thay đổi chủ rừng, các Ban quản lý rừng xây dựng phương án chuyển đổi rừng gửi Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tổng hợp trình cấp thẩm quyền phê duyệt. Sau khi nhận bàn giao, các địa phương tổ chức việc giao rừng, đất lâm nghiệp cho hộ gia đình cá nhân và cộng đồng dân cư thôn quản lý theo phương án chuyển đổi rừng được cấp thẩm quyền phê duyệt.

Những diện tích rừng phòng hộ, đặc dụng không nằm trong phạm vi điều chỉnh quy hoạch sang rừng sản xuất, các chủ rừng tiếp tục quản lý theo Quy chế quản lý rừng phòng hộ, đặc dụng.

+ *Đối với diện tích rừng sản xuất điều chỉnh sang rừng phòng hộ, đặc dụng:*

Đối với diện tích rừng sản xuất đã được quy hoạch bổ sung vào rừng đặc dụng theo Quyết định số 1281/QĐ-UBND ngày 16/8/2013 của Chủ tịch UBND tỉnh Bắc Giang về việc phê duyệt Quy hoạch bảo tồn và phát triển rừng đặc dụng tỉnh Bắc Giang đến năm 2020, Ban quản lý bảo tồn Tây Yên Tử có trách nhiệm quản lý theo đúng Quy chế quản lý đối với rừng đặc dụng. Đối với diện

tích rừng sản xuất điều chỉnh sang rừng phòng hộ thuộc dãy núi Nham Biền và núi Cô Tiên, trước đây đã giao cho hộ gia đình cá nhân quản lý, nay các hộ tiếp tục quản lý theo Quy chế quản lý rừng phòng hộ ban hành kèm theo Quyết định số 17/2015/QĐ-TTg, ngày 09/6/2015 của Thủ tướng Chính phủ.

Đối với diện tích rừng tự nhiên là rừng sản xuất điều chỉnh sang rừng phòng hộ tại Công ty TNHH một thành viên lâm nghiệp Sơn Động; Ban quản lý rừng phòng hộ Sơn Động và Công ty TNHH một thành viên Sơn Động có trách nhiệm kiểm kê hiện trạng rừng, xác định ranh giới, tổ chức giao nhận, tiếp quản và tổ chức quản lý theo đúng Quy chế quản lý rừng phòng hộ ban hành kèm theo Quyết định số 17/2015/QĐ-TTg, ngày 09/6/2015 của Thủ tướng Chính phủ.

5.2. Giải pháp chính sách:

- Thực hiện chính sách chuyển đổi rừng theo quy định tại Thông tư số 24/2009/TT-BNN ngày 05/5/2009 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.

- Tiếp tục triển khai thực hiện các cơ chế chính sách của Trung ương cho chương trình Kế hoạch bảo vệ và phát triển rừng giai đoạn 2011-2020 theo Quyết định số 57/QĐ-TTg ngày 09/01/2012 của Thủ tướng Chính phủ; chính sách phát triển rừng đặc dụng theo Quyết định số 24/2012/QĐ-TTg ngày 01/6/2012 của Thủ tướng Chính phủ và các quy định khác có liên quan; Chính sách hỗ trợ bảo vệ rừng sản xuất là rừng tự nhiên trên địa bàn tỉnh Bắc Giang giai đoạn 2016-2020.

5.3. Giải pháp về khoa học công nghệ:

Tiếp tục đẩy mạnh triển khai các giải pháp về khoa học công nghệ trong lĩnh vực giống cây trồng lâm nghiệp, biện pháp kỹ thuật; trong lĩnh vực về quản lý rừng bền vững; công nghệ chế biến gỗ và ứng dụng công nghệ thông tin viễn thám trong quản lý bảo vệ, phòng cháy chữa cháy, theo dõi diễn biến tài nguyên rừng.

5.4. Giải pháp thu hút vốn đầu tư:

Thu hút các nguồn vốn đầu tư bảo vệ và phát triển rừng trong thời gian tới bằng phương thức xã hội hóa đầu tư cho lâm nghiệp. Ngoài các nguồn ngân sách Trung ương, ngân sách tỉnh, chú trọng tăng cường thu hút các nguồn vốn viện trợ, vốn của các thành phần kinh tế, tổ chức doanh nghiệp, vốn tín dụng ưu đãi và nguồn lực của hộ gia đình, giảm dần sự đầu tư của ngân sách nhà nước.

Điều 2. Tổ chức thực hiện quy hoạch

1. Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn

- Công bố công khai Quy hoạch 3 loại rừng theo quy định tại Thông tư số 05/2013/TT-BKH ngày 31/10/2013 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư.

- Chỉ đạo các đơn vị liên quan rà soát, xây dựng phương án chuyển đổi rừng sau khi điều chỉnh quy hoạch, chủ trì phối hợp với Sở Tài nguyên và Môi trường, Sở Tài chính tổng hợp phương án chuyển đổi rừng của tỉnh trình cấp thẩm quyền phê duyệt.

- Trình UBND tỉnh ra quyết định thu hồi rừng và đất lâm nghiệp (với những nơi đã được giao đất lâm nghiệp); phối hợp với các ngành liên quan tổ chức, chỉ đạo, hướng dẫn các đơn vị chủ rừng bàn giao rừng và đất lâm nghiệp theo phương án chuyển đổi rừng được phê duyệt.

- Tổ chức triển khai xây dựng các Dự án triển khai thực hiện Kế hoạch bảo vệ và phát triển rừng cho giai đoạn 2016-2020.

2. Sở Tài chính

- Thực hiện việc tăng giảm vốn cho các Ban quản lý rừng đặc dụng, phòng hộ theo quy định tại Thông tư số 24/2009/TT-BNN ngày 05/5/2009 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.

- Phối hợp với Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn trong việc xây dựng phương án chuyển đổi rừng; tham mưu cho UBND tỉnh cân đối nguồn vốn địa phương hỗ trợ cho việc tổ chức thực hiện Quy hoạch.

3. Sở Kế hoạch và đầu tư

Chủ trì phối hợp với Sở Tài chính, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn trong việc lập kế hoạch và bố trí kinh phí cho việc triển khai thực hiện các chương trình, dự án, đề án nhằm triển khai thực hiện quy hoạch.

4. Sở Tài nguyên và Môi trường

- Phối hợp với Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn trong việc xây dựng phương án chuyển đổi rừng.

- Tham mưu giúp UBND tỉnh trong việc điều chỉnh lại Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho các tổ chức nhà nước trong trường hợp có sự thay đổi về quy mô quản lý đất lâm nghiệp sau khi điều chỉnh quy hoạch.

5. UBND các huyện, thành phố

- Chỉ đạo các phòng chức năng thực hiện nhận bàn giao rừng và đất lâm nghiệp chuyển đổi từ rừng phòng hộ, đặc dụng quy hoạch sang rừng sản xuất.

- Tổ chức bàn giao về cho địa phương để giao rừng và đất lâm nghiệp cho hộ gia đình, cá nhân theo đề án được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký và thay thế Quyết định số 1577/QĐ-UBND ngày 30/9/2010; Quyết định số 416/QĐ-UBND ngày 29/3/2007 của Chủ tịch UBND tỉnh Bắc Giang.

Giao cho Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn chủ trì phối hợp với các Sở, ban, ngành, UBND các huyện liên quan hướng dẫn các đơn vị thực hiện các nội dung sau điều chỉnh quy hoạch 3 loại rừng theo quy định hiện hành.

Điều 4. Thủ trưởng các cơ quan: Văn phòng UBND tỉnh, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Sở Kế hoạch và Đầu tư, Sở Tài chính, Sở Tài nguyên và Môi trường, Chủ tịch UBND các huyện, thành phố và các cơ quan, đơn vị có liên quan căn cứ Quyết định thi hành./.

Nơi nhận: 

- Như Điều 4;
- Bộ Nông nghiệp và PTNT;
- Chủ tịch UBND tỉnh;
- Các PCT UBND tỉnh;
- Văn phòng UBND tỉnh:
 - + LĐVP, TH, KT, TN, CN, TKCT;
 - + Lưu: VT; NN.Thăng (5).

KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH





Tại Thanh Sơn

Biểu 01. Quy hoạch 3 loại rừng theo đơn vị hành chính huyện
(Kèm theo Quyết định số ~~2371~~ /QĐ-UBND ngày 31 /12/2015
của Chủ tịch UBND tỉnh Bắc Giang)

Đơn vị tính: ha

Huyện	Đất lâm nghiệp	Rừng đặc dụng	Rừng phòng hộ	Rừng sản xuất
Toàn tỉnh	153.739	13.303	20.708	119.728
TP Bắc Giang	183		105	78
Yên Thế	14.498			14.498
Tân Yên	829			829
Việt Yên	933		219	714
Yên Dũng	1.535		1.391	144
Lạng Giang	1.962			1.962
Hiệp Hòa	46			46
Lục Nam	23.890	3.500		20.391
Lục Ngạn	45.263		9.746	35.517
Sơn Động	64.599	9.803	9.247	45.549

Biểu 02. Quy hoạch 3 loại rừng theo chủ quản lý
(Kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày /12/2015
của Chủ tịch UBND tỉnh Bắc Giang)

Đơn vị tính: ha

Chủ quản lý	Tổng	Rừng đặc dụng	Rừng phòng hộ	Rừng sản xuất
Công ty lâm nghiệp Đồng Sơn	1.537,5			1.537,5
Công ty TNHH MTV lâm nghiệp Yên Thế	2.339,7			2.339,7
Công ty TNHH MTV lâm nghiệp Lục Nam	2.699,9			2.699,9
Công ty TNHH MTV lâm nghiệp Mai Sơn	2.570,1			2.570,1
Công ty TNHH MTV lâm nghiệp Lục Ngạn	2.859,5			2.859,5
BQL rừng PH Sơn Động	10.709,5		9.246,9	1.462,6
BQL rừng PH Cẩm Sơn	9.746,4		9.746,4	
Khu BTTN Tây Yên Tử	12.265,1	12.265,1		
Khu rừng BVCQ Suối Mỡ	1.037,7	1.037,7		